

Bản án số: 138/2020/DS-PT
Ngày: 24/8/2020
V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hạnh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thư
Ông Lê Quang Ninh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Nam – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 và ngày 24 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 131/2020/DSPT ngày 06/7/2020 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”. Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 19/2020/DS-ST ngày 27/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2020/QĐPT-DS ngày 23 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

- Ông **Nguyễn Xuân H**, sinh năm: 1977 (có mặt)
 - Bà **Nguyễn Thị Diễm C**, sinh năm: 1980 (có mặt)
- Cùng địa chỉ: Ấp S, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn:

- Ông **Trịnh Khắc T**, sinh năm: 1957 (có mặt)
 - Bà **Vũ Thị Minh N**, sinh năm: 1964 (có mặt)
- Cùng địa chỉ: Ấp S, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị Minh N: Ông **Trịnh Khắc T**, sinh năm: 1957

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Trịnh Vũ Khắc H1**, sinh năm: 1989 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp S, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trịnh Vũ Khắc H1: Ông **Trịnh Khắc T**, sinh năm: 1957

- Bà **Trịnh Thị Việt H2**, sinh năm: 1985 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Phường A, TP. B, tỉnh Đồng Nai

- **Ủy ban nhân dân huyện L**

Địa chỉ: Khu phố N, Thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện L: Ông **Lê T** – Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L. (vắng mặt)

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Xuân H, bà Nguyễn Thị Diễm C.

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Diễm C trình bày:

Vào năm 2011, vợ chồng bà Nguyễn Thị Diễm C và ông Nguyễn Xuân H nhận chuyển nhượng 01 thửa đất có diện tích 4.898,9m², tọa lạc tại ấp 6A, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước của bà Lê Thị Ngọc T. Thửa đất trên được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00592 ngày 28/6/2011 mang tên bà C, ông H.

Trước khi vợ chồng bà nhận chuyển nhượng thửa đất của bà T thì trên đất đã trồng toàn bộ cây cao su. Năm 2018, nhận thấy việc trồng cây cao su không còn hiệu quả nên vợ chồng bà đã thanh lý số cây cao su trồng trên đất. Sau khi thanh lý xong, vợ chồng bà có kiểm tra, đo đạc lại thửa đất của mình thì phát hiện phần đất gia đình bà bị vợ chồng ông Trịnh Khắc T, bà Vũ Thị Minh N lấn chiếm diện tích 637m², lấn chiếm từ khi nào thì vợ chồng bà không biết (Phần đất bị lấn chiếm có vị trí, hình thể và số liệu như Mảnh trích đo địa chính số 80 – 2019 ngày 18/7/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L).

Nay, bà và ông H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện L buộc ông Trịnh Khắc T và bà Vũ Thị Minh N trả lại phần đất diện tích 637m² (Phần đất có vị trí, hình thể và số liệu như Mảnh trích đo địa chính số 80 – 2019 ngày 18/7/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L). Trên phần đất lấn chiếm có 02 cây măng cụt khoảng 10 năm tuổi và 20 cây cao su khoảng 10 năm tuổi. Căn cứ quyết định số 05/2018/QĐ-UBND ngày 12/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước thì 01 cây măng cụt 10 năm tuổi có giá 1.440.000 đồng, 01 cây cao su 10 năm tuổi có giá 350.000 đồng. Do đó, vợ chồng bà thống nhất tổng giá trị cây trồng trên phần đất tranh chấp là 9.880.000 đồng. Vì vậy, bà và ông H yêu cầu được sử dụng số cây

măng cụt và cây cao su trên đất tranh chấp, đồng thời bà và ông H đồng ý hoàn trả cho ông T, bà N số tiền 9.880.000 đồng.

Đối với hàng trụ điện đặt trên phần đất tranh chấp là của Nhà nước, bà và ông H không có ý kiến gì, bà và ông H vẫn đồng ý tiếp tục để Nhà nước đặt hàng trụ điện trên phần đất mà bà yêu cầu ông T, bà N trả lại.

Nguyên đơn – ông Nguyễn Xuân H: Thông nhất với lời trình bày trên của bà Nguyễn Thị Diễm C.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (bà Vũ Thị Minh N) và là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (ông Trịnh Vũ Khắc H1) - ông Trịnh Khắc T trình bày: Ông thống nhất với các tài liệu chứng cứ mà Tòa án đã công khai bao gồm: Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu, chứng cứ do phía gia đình ông cung cấp. Ông thống nhất với giá trị tài sản trên phần đất tranh chấp mà bên nguyên đơn đưa ra, bởi vì bên nguyên đơn đã căn cứ vào Quyết định số 05/2018/QĐ-UBND ngày 12/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước để xác định giá trị tài sản. Ông không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì phần đất mà nguyên đơn yêu cầu ông trả lại, gia đình ông đã sử dụng ổn định gần 30 năm, có ranh giới rõ ràng, hiện trên đất ông đang trồng cây lâu năm (cây được khoảng 10 năm tuổi). Ông tin tưởng và đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ việc tranh chấp đúng theo quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Trịnh Thị Việt H2 trình bày: Bà là con ruột của ông Trịnh Khắc T và bà Vũ Thị Minh N. Việc bà C và ông H khởi kiện yêu cầu ông T và bà N trả lại phần đất mà hiện ông T, bà N đang sử dụng là hoàn toàn không có căn cứ, bởi lẽ: Phần đất đó là của ông T và bà N, do ông T và bà N mua lại của người khác và sử dụng ổn định từ rất lâu, không có tranh chấp với ai. Đối với phần đất tranh chấp (Phần đất mà ông H, bà C yêu cầu ông T và bà N trả lại) thì bà không có công sức đóng góp gì về việc mua đất hay cải tạo đất, cũng như việc tạo lập tài sản trên đất. Do đó, mọi vấn đề liên quan đến vụ án là do ông T và bà N quyết định, bà không có ý kiến hay yêu cầu gì khi Tòa án giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, Ủy ban nhân dân huyện L – ông Lê T trình bày: Đối với việc Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00592 ngày 28/6/2011 mang tên ông Nguyễn Xuân H, bà Nguyễn Thị Diễm C và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01287 ngày 18/10/2007 mang tên hộ ông Trịnh Khắc T, bà Vũ Thị Minh N là đúng với quy định pháp luật về đất đai. Nay các bên phát sinh tranh chấp thì đề nghị Tòa án nhân dân giải quyết theo quy định pháp luật. Sau khi có kết quả giải quyết của Tòa án, nếu có biến động về đất đai thì các hộ sử dụng đất được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 19/2020/DS-ST ngày 27/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện L đã quyết định:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Trịnh Khắc T và bà Vũ Thị Minh N trả lại phần đất diện tích 637m² tọa lạc tại: Ấp 6, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (Phần đất có vị trí, hình thể và số liệu như Mảnh trích đo địa chính số 80 – 2019 ngày 18/7/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L):

2/ Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện L điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00592 ngày 28/6/2011 mang tên ông Nguyễn Xuân H, bà Nguyễn Thị Diễm C (thửa đất số 63) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01287 ngày 18/10/2007 mang tên hộ ông Trịnh Khắc T, bà Vũ Thị Minh N (thửa đất số 62) theo đúng hiện trạng đất thực tế mà hai bên đang sử dụng, cụ thể: Điều chỉnh lại đối với phần đất tích diện tích 637m² (Phần đất có vị trí, hình thể và số liệu như Mảnh trích đo địa chính số 80 – 2019 ngày 18/7/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L) theo hướng: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H01287 ngày 18/10/2007 mang tên hộ ông Trịnh Khắc T, bà Vũ Thị Minh N thể hiện có phần đất diện tích 637m² (Phần đất có vị trí, hình thể và số liệu như Mảnh trích đo địa chính số 80 – 2019 ngày 18/7/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00592 ngày 28/6/2011 mang tên ông Nguyễn Xuân H, bà Nguyễn Thị Diễm C không có phần đất diện tích 637m² (Phần đất có vị trí, hình thể và số liệu như Mảnh trích đo địa chính số 80 – 2019 ngày 18/7/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L).

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền để kê khai, đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/5/2020, nguyên đơn ông Nguyễn Xuân H, bà Nguyễn Thị Diễm C có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng tuyên buộc bà N, ông T trả cho bà C, ông H diện tích đất 637m².

Ngày 05/5/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L có Quyết định kháng nghị số 07/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị toàn bộ Bản án sơ thẩm lý do: Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành xác minh hay có văn bản đề nghị UBND huyện L cung cấp thông tin về việc diện tích đất theo giấy chứng nhận tăng thêm đối với hộ ông N và hộ ông T. Cũng như không đưa bà T, ông N vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và tiến hành lấy lời khai của họ dẫn đến thu thập chứng cứ không đầy đủ nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2020/DS-ST ngày 27/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện L.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Xuân H, bà Nguyễn Thị Diễm C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước rút Quyết định kháng nghị số 07/QĐKNPT-VKS-DS ngày 05/5/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L do cấp phúc thẩm đã khắc phục được những thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Kể từ ngày thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông H, bà C. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2020/DS-ST ngày 27/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước thấy rằng:

[1] Mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước rút toàn bộ nội dung kháng nghị nên HĐXX căn cứ Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L. Tuy nhiên, việc rút toàn bộ nội dung kháng nghị trên là do cấp phúc thẩm đã khắc phục được những thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm nên cần nêu ra để Tòa án cấp sơ thẩm nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Thứ nhất: Do tranh chấp về quyền sử dụng đất nên cần phải làm rõ về diện tích tăng thêm đối với hộ ông Vũ Duy N và hộ ông Trịnh Khắc T:

Diện tích đất của hộ ông Nguyễn Xuân H, bà Nguyễn Thị Diễm C thuộc thửa đất số 63, tờ bản đồ số 23 diện tích 4.898,9m² có nguồn gốc: Năm 1996, ông Vũ Duy N nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất (sổ trắng) của ông Nguyễn Văn P, được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0866/QSĐĐ/SB ngày 05/02/1996 với diện tích 2000m². Đến năm 2007 xã L đo đạc chính quy nên ông N được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01257 ngày 18/10/2007, diện tích là 4.898,9m², tăng 2.898,9m² theo hồ sơ thì phần diện tích tăng lên là do trước đây chưa đo đạc hết đất. Đến năm 2009, ông Vũ Duy N chuyển nhượng cho bà Lê Thị Ngọc T. Đến năm 2011, bà T chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông H, bà C.

Đối với diện tích đất của hộ ông Trịnh Khắc T: Năm 1997 ông T được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1311/QSDD/SB ngày 15/8/1997 với diện tích 1.600m². Đến năm 1998 được cấp đổi giấy chứng nhận đồng thời hợp thức hóa thêm phần diện tích 6.833m², Ủy ban nhân dân huyện L đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 92/QSDD/SB ngày 16/3/1998 diện tích 8.433m², phần diện tích tăng lên 6.833m² là do trước đây chưa đo đạc hết đất. Hộ ông T, bà N sử dụng đất ổn định.

Tại Công văn số 808/UBND-NC ngày 21/8/2020 của UBND huyện L cung cấp cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước thì lý do diện tích hộ ông T và hộ ông N tăng lên là do trước đây chưa đo đạc hết đất.

Thứ hai: Về việc đưa ông Vũ Duy N, bà Lê Thị Ngọc T tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và lấy lời khai của họ, thấy rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự xác định ông N đã chết, bà T là người buôn bán bất động sản ở nơi khác đến, không phải là người địa phương nên không biết để cung cấp cho Tòa án nên Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của các đương sự nêu trên. Theo kết quả xác minh thì ông N đã chết. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm bà C, ông H thừa nhận những chủ đất cũ trước đây là ông N và bà T không có ai tranh chấp đất đối với hộ ông T. Từ năm 2011, bà C, ông H nhận chuyển nhượng đất từ bà T thì bà T có chỉ ranh là hàng rào đã có sẵn, hàng rào này vẫn còn tồn tại tới nay và phía bà C, ông H cũng tin tưởng vào hàng rào này và sử dụng ổn định không có tranh chấp gì với hộ ông T. Đến năm 2018, sau khi bà C, ông H thanh lý cây cao su, tiến hành đo đạc lại thửa đất của mình thì phát hiện phần đất gia đình bị thiếu và bắt đầu phát sinh tranh chấp với vợ chồng ông T, bà N. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Như vậy, mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm có thiếu sót, tuy nhiên những thiếu sót này đã được khắc phục nên căn cứ vào trình tự, thủ tục và nội dung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa các bên tranh chấp, cũng như căn cứ vào nguồn gốc đất và hiện trạng sử dụng đất ổn định giữa các bên HĐXX xét thấy có đầy đủ cơ sở pháp luật để giải quyết vụ án.

[2] Xét kháng cáo của bà C, ông H thấy rằng:

Như đã phân tích tại mục [1] nguồn gốc đất của bà C, ông H có nguồn gốc nhận chuyển nhượng từ bà T năm 2011, bà T nhận chuyển nhượng từ ông N năm 2009. Phần diện tích đất trên có cạnh giáp với hộ ông T. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm bà C, ông H thừa nhận khi nhận chuyển nhượng đất từ bà T thì bà C, ông H không tiến hành đo đạc lại diện tích thửa đất mà chỉ nhận chuyển nhượng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi nhận chuyển nhượng

bà T có đưa bà C vào xem hiện trạng đất và bà C đã thấy có hàng rào ngăn cách với thửa đất của bị đơn ông T như đang tồn tại hiện nay. Thời điểm đó, bà T, bà C xác định hàng rào đã có từ khi ông N sử dụng đất, dùng để ngăn cách giữa vườn cao su của ông N với vườn cao su của ông T. Sau khi nhận chuyển nhượng đất năm 2011 từ bà T, phía bà C, ông H vẫn sử dụng ổn định theo đúng như ranh có hàng rào bà T đã chỉ và không xảy ra tranh chấp gì với ông T. Mãi đến năm 2018 khi bà C, ông H thanh lý cây cao su và tiến hành đo đạc lại mới phát hiện diện tích sử dụng bị thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp nên bà C, ông H cho rằng phía bị đơn ông T, bà N lấn chiếm đất nhưng không biết bị đơn ông T lấn chiếm đất khi nào và sử dụng phần đất tranh chấp từ bao giờ.

Căn cứ hiện trạng sử dụng đất, ranh giới sử dụng đất giữa các bên, quá trình sử dụng đất và lời trình bày về nguồn gốc đất của các đương sự trong vụ án, có đủ cơ sở xác định: Phần đất tranh chấp đã được phía bị đơn ông T sử dụng ổn định, lâu dài từ năm 1998 cho đến nay. Ranh giới phân định ngăn cách quyền sử dụng đất giữa bên nguyên đơn và bên ông T có hàng rào và bờ mương ngăn cách rõ ràng, bờ mương ngăn cách này đã hình thành từ khi ông N sử dụng đất. Do đó, việc bà C, ông H khởi kiện yêu cầu ông T phải trả lại diện tích 637m² tọa lạc tại: Ấp S, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước với lý do cho rằng bị đơn lấn chiếm đất nhưng không chứng minh được lấn chiếm thời gian nào, cách thức lấn chiếm ra sao mà chỉ căn cứ vào diện tích được cấp trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong khi ranh giới là hàng rào vẫn còn tồn tại từ khi nguyên đơn nhận chuyển nhượng đất cho đến nay là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà C, ông H là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà C, ông H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, buộc bị đơn ông T, bà N trả lại 637m² đất nhưng không cung cấp được thêm tài liệu chứng cứ nào mới so với cấp sơ thẩm nên kháng cáo của nguyên đơn bà C, ông H là không có căn cứ chấp nhận. Cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2020/DS-ST ngày 27/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện L.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà C, ông H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân H, bà Nguyễn Thị Diễm C.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm 19/2020/DS-ST ngày 27/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước.

Áp dụng:

- Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 34, Điều 147, Điều 157 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 192, Điều 256 và Điều 265 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Điều 166, Điều 175 và Điều 189 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 2, Điều 33 và Điều 34 của Luật đất đai năm 1993;

- Điều 50 và Điều 105 của Luật đất đai năm 2003;

- Điều 166 và Điều 170 của Luật đất đai năm 2013;

- Thông tư số 346/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính về việc hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

- Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành luật đất đai năm 2003;

- Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà Nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai;

- Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 21/10/2009 của Chính phủ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Trịnh Khắc T và bà Vũ Thị Minh N trả lại phần đất diện tích 637m² tọa lạc tại: Ấp 6, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (Phần đất có vị trí, hình thể và số liệu như Mảnh trích đo địa chính số 80 – 2019 ngày 18/7/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L):

2. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện L điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00592 ngày 28/6/2011 mang tên ông Nguyễn Xuân H, bà Nguyễn

Thị Diễm C (thửa đất số 63) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01287 ngày 18/10/2007 mang tên hộ ông Trịnh Khắc T, bà Vũ Thị Minh N (thửa đất số 62) theo đúng hiện trạng đất thực tế mà hai bên đang sử dụng, cụ thể: Điều chỉnh lại đối với phần đất tích diện tích 637m² (Phần đất có vị trí, hình thể và số liệu như Mảnh trích đo địa chính số 80 – 2019 ngày 18/7/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L) theo hướng: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H01287 ngày 18/10/2007 mang tên hộ ông Trịnh Khắc T, bà Vũ Thị Minh N thể hiện có phần đất diện tích 637m² (Phần đất có vị trí, hình thể và số liệu như Mảnh trích đo địa chính số 80 – 2019 ngày 18/7/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00592 ngày 28/6/2011 mang tên ông Nguyễn Xuân H, bà Nguyễn Thị Diễm C không có phần đất diện tích 637m² (Phần đất có vị trí, hình thể và số liệu như Mảnh trích đo địa chính số 80 – 2019 ngày 18/7/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L).

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền để kê khai, đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Xuân H và bà Nguyễn Thị Diễm C phải chịu án phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000125 ngày 11/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

4. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Xuân H và bà Nguyễn Thị Diễm C phải chịu 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng), số tiền này đã thanh toán xong.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Xuân H và bà Nguyễn Thị Diễm C phải chịu số tiền 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001114 ngày 22/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bình Phước

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện L;
- CCTHADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Hồng Hạnh